

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 179/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987; HKTT: Số 34, đường N, khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: 1/1A, thôn V, xã T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1988; HKTT: Số 34, đường N, khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10/3/2021, bản tự khai ngày 10/3/2021 và ngày 18/8/2021 nguyên đơn (bà H) trình bày:*

Bà H và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 24/7/2012.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Vì vậy, bà H làm đơn xin ly hôn với ông Đ.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 24/9/2013. Bà H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà H không có ý kiến gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 10/7/2021 (ông Đ) trình bày:*

Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà H về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và con chung.

- Về hôn nhân: Trước yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông Đ đồng ý ly hôn.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 24/9/2013. Ông Đ đồng ý giao con chung cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện ông Trần Thanh Đ về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông Đ có nơi cư trú tại khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà H, ông Đ có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông Đ theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn (bà H)

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 24/7/2012. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà H cho rằng bà và ông Đ thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Vì vậy, bà H làm đơn xin ly hôn với ông Đ. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông Đ đồng ý ly hôn. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 19/5/2021 thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ thì địa phương không biết nhưng năm 2020 ông Đ phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng và đang chấp hành án tại trại giam L. Sau khi ông Đ đi chấp hành án thì bà H về nhà cha mẹ ruột sống. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông Đ không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà H và ông Đ có 01 con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 24/9/2013. Bà H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Trước yêu cầu của bà H, ông Đ đồng ý giao con chung cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Tòa án có tham khảo ý kiến của cháu B là nguyện vọng của cháu là được sống với bà H. Do đó bà H yêu cầu nuôi con chung và ông Đ đồng ý nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 53, 56, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Trần Thanh Đ về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 24/9/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông Trần Thanh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045865 ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh